

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v Phê duyệt Danh mục kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh thực hiện tại Phòng khám YHCT-PHCN Nhân Y Dung thuộc Hộ kinh doanh Nhân Y Dung**

**GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ PHÚ YÊN**

*Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;*

*Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;*

*Căn cứ Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;*

*Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ Y tế ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;*

*Căn cứ Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 20/02/2025 của UBND tỉnh Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Phú Yên;*

*Căn cứ Biên bản thẩm định của Đoàn thẩm định Sở Y tế tại Phòng khám YHCT-PHCN Nhân Y Dung thuộc Hộ kinh doanh Nhân Y Dung được lập ngày 26/5/2025; Biên bản cuộc họp ngày 26/5/2025 của Hội đồng tư vấn cấp Chứng chỉ hành nghề Dược và Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, Sở Y tế tỉnh Phú Yên;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y - Dược, Sở Y tế,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt 196 Danh mục kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh thực hiện tại Phòng khám YHCT-PHCN Nhân Y Dung thuộc Hộ kinh doanh Nhân Y Dung (*Chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

**Điều 2.** Phòng khám YHCT-PHCN Nhân Y Dung thuộc Hộ kinh doanh Nhân Y Dung có nhiệm vụ đảm bảo về tổ chức, cơ sở vật chất, thiết bị y tế, nhân lực và các điều kiện cần thiết khác để thực hiện các Danh mục kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh được phê duyệt đúng quy định chuyên môn, quy trình kỹ thuật và các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Nghiệp vụ Y - Dược, Chánh Thanh tra Sở, Trưởng các phòng thuộc Sở, người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của Phòng khám YHCT-PHCN Nhân Y Dung thuộc Hộ kinh doanh Nhân Y Dung và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- TT KSBT (đăng trang TTĐT SYT);
- Lưu: VT, NVYD (K).

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Thanh Tĩnh**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC KỸ THUẬT KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH TẠI PHÒNG KHÁM**  
**YHCT-PHCN NHÂN Y DUNG THUỘC HỘ KINH DOANH NHÂN Y DUNG**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số:     /QĐ-SYT ngày     tháng     năm 2025 của Sở Y tế)*

| <b>STT<br/>(Cột 1)</b> | <b>Mã Kỹ thuật<br/>(Cột 2)</b> | <b>Tên chương<br/>(Cột 3)</b> | <b>Tên kỹ thuật<br/>(Cột 4)</b>                                 |
|------------------------|--------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| 1                      | 8.2                            | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Hào châm                                                        |
| 2                      | 8.4                            | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Nhĩ châm                                                        |
| 3                      | 8.5                            | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Điện châm                                                       |
| 4                      | 8.6                            | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Thủy châm                                                       |
| 5                      | 8.7                            | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Cấy chỉ                                                         |
| 6                      | 8.8                            | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Ôn châm                                                         |
| 7                      | 8.9                            | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Cứu                                                             |
| 8                      | 8.13                           | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Kéo nắn cột sống cổ                                             |
| 9                      | 8.14                           | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Kéo nắn cột sống thắt lưng                                      |
| 10                     | 8.19                           | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Xông thuốc bằng máy                                             |
| 11                     | 8.20                           | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Xông hơi thuốc                                                  |
| 12                     | 8.23                           | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Ngâm thuốc YHCT toàn thân                                       |
| 13                     | 8.24                           | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Ngâm thuốc YHCT bộ phận                                         |
| 14                     | 8.26                           | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Bó thuốc                                                        |
| 15                     | 8.27                           | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Chườm ngải                                                      |
| 16                     | 8.28                           | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Luyện tập dưỡng sinh                                            |
| 17                     | 8.228                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Cấy chỉ điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não        |
| 18                     | 8.230                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Cấy chỉ điều trị viêm mũi dị ứng                                |
| 19                     | 8.232                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Cấy chỉ châm điều trị hội chứng dạ dày - tá tràng               |
| 20                     | 8.233                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Cấy chỉ điều trị mày đay                                        |
| 21                     | 8.237                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Cấy chỉ điều trị hội chứng tự kỷ                                |
| 22                     | 8.238                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Cấy chỉ điều trị liệt do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em   |
| 23                     | 8.239                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Cấy chỉ điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não          |
| 24                     | 8.240                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Cấy chỉ châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não |
| 25                     | 8.241                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Cấy chỉ điều trị hội chứng thắt lưng hông                       |
| 26                     | 8.242                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Cấy chỉ điều trị đau đầu, đau nửa đầu                           |

| <b>STT<br/>(Cột 1)</b> | <b>Mã Kỹ thuật<br/>(Cột 2)</b> | <b>Tên chương<br/>(Cột 3)</b> | <b>Tên kỹ thuật<br/>(Cột 4)</b>                                        |
|------------------------|--------------------------------|-------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
| 27                     | 8.243                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Cấy chỉ điều trị mất ngủ                                               |
| 28                     | 8.245                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Cấy chỉ điều trị hội chứng tiền đình                                   |
| 29                     | 8.246                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Cấy chỉ điều trị hội chứng vai gáy                                     |
| 30                     | 8.247                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Cấy chỉ điều trị hen phế quản                                          |
| 31                     | 8.249                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Cấy chỉ điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên                     |
| 32                     | 8.250                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Cấy chỉ điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính                     |
| 33                     | 8.251                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Cấy chỉ điều trị đau thần kinh liên sườn                               |
| 34                     | 8.253                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Cấy chỉ điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống                   |
| 35                     | 8.254                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Cấy chỉ điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não   |
| 36                     | 8.257                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Cấy chỉ điều trị liệt chi trên                                         |
| 37                     | 8.258                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Cấy chỉ điều trị liệt chi dưới                                         |
| 38                     | 8.260                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Cấy chỉ điều trị hỗ trợ cai nghiện thuốc lá                            |
| 39                     | 8.261                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Cấy chỉ điều trị hỗ trợ cai nghiện rượu                                |
| 40                     | 8.262                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Cấy chỉ điều trị viêm mũi xoang                                        |
| 41                     | 8.267                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Cấy chỉ điều trị đau do thoái hóa khớp                                 |
| 42                     | 8.268                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Cấy chỉ điều trị đau lưng                                              |
| 43                     | 8.280                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Điện châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính                   |
| 44                     | 8.287                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Điện châm điều trị liệt tay do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em    |
| 45                     | 8.288                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Điện châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não               |
| 46                     | 8.289                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Điện châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não           |
| 47                     | 8.292                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Điện châm điều trị rối loạn tiểu tiện                                  |
| 48                     | 8.293                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Điện châm điều trị bí đái cơ năng                                      |
| 49                     | 8.296                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống                 |
| 50                     | 8.297                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Điện châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não |
| 51                     | 8.301                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Điện châm điều trị liệt chi trên                                       |
| 52                     | 8.313                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Điện châm điều trị đau do thoái hóa khớp                               |

| <b>STT<br/>(Cột 1)</b> | <b>Mã Kỹ thuật<br/>(Cột 2)</b> | <b>Tên chương<br/>(Cột 3)</b> | <b>Tên kỹ thuật<br/>(Cột 4)</b>                                    |
|------------------------|--------------------------------|-------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| 53                     | 8.316                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Điện châm điều trị liệt do tổn thương đám rối dây thần kinh        |
| 54                     | 8.319                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Điện châm điều trị giảm đau do zona                                |
| 55                     | 8.321                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Điện châm điều trị chứng tic cơ mặt                                |
| 56                     | 8.322                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Thủy châm điều trị hội chứng thất lưng- hông                       |
| 57                     | 8.330                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Thủy châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não         |
| 58                     | 8.352                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Thủy châm điều trị đau vai gáy                                     |
| 59                     | 8.356                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Thủy châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên               |
| 60                     | 8.357                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Thủy châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn                     |
| 61                     | 8.359                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Thủy châm điều trị đau dây V                                       |
| 62                     | 8.360                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Thủy châm điều trị đau liệt tứ chi do chấn thương cột sống         |
| 63                     | 8.361                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Thủy châm điều trị loạn chức năng do chấn thương sọ não            |
| 64                     | 8.365                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Thủy châm điều trị liệt chi trên                                   |
| 65                     | 8.366                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Thủy châm điều trị liệt hai chi dưới                               |
| 66                     | 8.376                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Thủy châm điều trị đau do thoái hóa khớp                           |
| 67                     | 8.377                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Thủy châm điều trị viêm quanh khớp vai                             |
| 68                     | 8.378                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Thủy châm điều trị đau lưng                                        |
| 69                     | 8.389                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên                           |
| 70                     | 8.390                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới                           |
| 71                     | 8.391                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não |
| 72                     | 8.392                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng thất lưng- hông               |
| 73                     | 8.394                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Xoa bóp bấm huyệt điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não   |
| 74                     | 8.395                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Xoa bóp bấm huyệt phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não        |
| 75                     | 8.396                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên                      |
| 76                     | 8.397                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới                      |

| <b>STT<br/>(Cột 1)</b> | <b>Mã Kỹ thuật<br/>(Cột 2)</b> | <b>Tên chương<br/>(Cột 3)</b> | <b>Tên kỹ thuật<br/>(Cột 4)</b>                                              |
|------------------------|--------------------------------|-------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|
| 77                     | 8.399                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Xoa bóp bấm huyệt điều trị bệnh tự kỷ ở trẻ em                               |
| 78                     | 8.406                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy nhược                                 |
| 79                     | 8.408                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu                              |
| 80                     | 8.409                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ                                           |
| 81                     | 8.410                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng stress                                  |
| 82                     | 8.411                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Xoa bóp bấm huyệt điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính                 |
| 83                     | 8.412                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh           |
| 84                     | 8.413                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V                        |
| 85                     | 8.414                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên              |
| 86                     | 8.419                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình                               |
| 87                     | 8.429                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau do thoái hóa khớp                             |
| 88                     | 8.430                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng                                          |
| 89                     | 8.432                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy                                 |
| 90                     | 8.433                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng tic cơ mặt                                  |
| 91                     | 8.435                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Xoa bóp bấm huyệt điều trị tắc tia sữa                                       |
| 92                     | 8.444                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Xoa bóp bấm huyệt điều trị béo phì                                           |
| 93                     | 8.445                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng vận động do chấn thương sọ não |
| 94                     | 8.446                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống               |
| 95                     | 8.451                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Cứu điều trị hội chứng thất lưng- hông thể phong hàn                         |
| 96                     | 8.452                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn                                    |
| 97                     | 8.454                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn                                             |
| 98                     | 8.457                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn                                           |
| 99                     | 8.458                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn                                           |

| <b>STT<br/>(Cột 1)</b> | <b>Mã Kỹ thuật<br/>(Cột 2)</b> | <b>Tên chương<br/>(Cột 3)</b> | <b>Tên kỹ thuật<br/>(Cột 4)</b>                           |
|------------------------|--------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| 100                    | 8.459                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn                       |
| 101                    | 8.460                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Cứu điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên thể hàn |
| 102                    | 8.461                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn                      |
| 103                    | 8.467                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Cứu điều trị rối loạn tiểu tiện thể hàn                   |
| 104                    | 8.468                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Cứu điều trị bí đái thể hàn                               |
| 105                    | 8.470                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Cứu điều trị đau bụng kinh thể hàn                        |
| 106                    | 8.471                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Cứu điều trị rối loạn kinh nguyệt thể hàn                 |
| 107                    | 8.473                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Cứu điều trị đau lưng thể hàn                             |
| 108                    | 8.476                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Cứu điều trị cảm cúm thể hàn                              |
| 109                    | 8.479                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Giác hơi điều trị ngoại cảm phong hàn                     |
| 110                    | 8.480                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Giác hơi điều trị ngoại cảm phong nhiệt                   |
| 111                    | 8.481                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Giác hơi điều trị các chứng đau                           |
| 112                    | 8.482                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Giác hơi điều trị cảm cúm                                 |
| 113                    | 8.483                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Xoa bóp bấm huyết bằng tay                                |
| 114                    | 8.484                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Xoa bóp bấm huyết bằng máy                                |
| 115                    | 8.485                          | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN           | Giác hơi                                                  |
| 116                    | 17.7                           | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Điều trị bằng các dòng điện xung                          |
| 117                    | 17.8                           | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Điều trị bằng siêu âm                                     |
| 118                    | 17.9                           | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Điều trị bằng sóng xung kích                              |
| 119                    | 17.11                          | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Điều trị bằng tia hồng ngoại                              |
| 120                    | 17.12                          | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Điều trị bằng laser công suất thấp                        |
| 121                    | 17.16                          | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Điều trị bằng nhiệt nóng (chườm nóng)                     |
| 122                    | 17.17                          | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Điều trị bằng nhiệt lạnh (chườm lạnh)                     |
| 123                    | 17.18                          | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Điều trị bằng Parafin                                     |
| 124                    | 17.26                          | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Điều trị bằng máy kéo giãn cột sống                       |
| 125                    | 17.31                          | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Tập nằm đúng tư thế cho người bệnh liệt nửa người         |
| 126                    | 17.32                          | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Kỹ thuật đặt tư thế đúng cho người bệnh liệt tủy          |
| 127                    | 17.33                          | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Kỹ thuật tập tay và bàn tay cho người bệnh liệt nửa người |
| 128                    | 17.34                          | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người     |
| 129                    | 17.35                          | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Tập lăn trở khi nằm                                       |

| <b>STT<br/>(Cột 1)</b> | <b>Mã Kỹ thuật<br/>(Cột 2)</b> | <b>Tên chương<br/>(Cột 3)</b> | <b>Tên kỹ thuật<br/>(Cột 4)</b>                           |
|------------------------|--------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| 130                    | 17.36                          | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Tập thay đổi tư thế từ nằm sang ngồi                      |
| 131                    | 17.37                          | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Tập ngồi thẳng bằng tĩnh và động                          |
| 132                    | 17.38                          | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Tập thay đổi tư thế từ ngồi sang đứng                     |
| 133                    | 17.39                          | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Tập đứng thẳng bằng tĩnh và động                          |
| 134                    | 17.40                          | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Tập dáng đi                                               |
| 135                    | 17.42                          | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Tập đi với khung tập đi                                   |
| 136                    | 17.43                          | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Tập đi với nạng (nạng nách, nạng khuỷu)                   |
| 137                    | 17.44                          | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Tập đi với gậy                                            |
| 138                    | 17.47                          | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Tập lên, xuống cầu thang                                  |
| 139                    | 17.52                          | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Tập vận động thụ động                                     |
| 140                    | 17.53                          | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Tập vận động có trợ giúp                                  |
| 141                    | 17.54                          | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Tập vận động chủ động                                     |
| 142                    | 17.55                          | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Tập vận động tự do tứ chi                                 |
| 143                    | 17.56                          | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Tập vận động có kháng trở                                 |
| 144                    | 17.57                          | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Tập kéo giãn                                              |
| 145                    | 17.58                          | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Tập vận động trên bóng                                    |
| 146                    | 17.60                          | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể (PNF) chi trên |
| 147                    | 17.61                          | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể (PNF) chi dưới |
| 148                    | 17.62                          | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể chức năng      |
| 149                    | 17.73                          | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Tập các kiểu thở                                          |
| 150                    | 17.75                          | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Tập ho có trợ giúp                                        |
| 151                    | 17.78                          | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Kỹ thuật kéo nắn trị liệu                                 |
| 152                    | 17.79                          | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Kỹ thuật di động khớp                                     |
| 153                    | 17.80                          | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Kỹ thuật di động mô mềm                                   |
| 154                    | 17.81                          | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Kỹ thuật tập chuỗi đóng và chuỗi mở                       |
| 155                    | 17.89                          | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Kỹ thuật kiểm soát đầu, cổ và thân mình                   |
| 156                    | 17.90                          | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Tập điều hợp vận động                                     |
| 157                    | 17.91                          | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Tập mạnh cơ đáy chậu (cơ sàn chậu, pelvis floor)          |
| 158                    | 17.92                          | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Kỹ thuật tập sử dụng và điều khiển xe lăn                 |
| 159                    | 17.95                          | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Tập các vận động thô của bàn tay                          |

| <b>STT<br/>(Cột 1)</b> | <b>Mã Kỹ thuật<br/>(Cột 2)</b> | <b>Tên chương<br/>(Cột 3)</b> | <b>Tên kỹ thuật<br/>(Cột 4)</b>                                                               |
|------------------------|--------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|
| 160                    | 17.96                          | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Tập các vận động khéo léo của bàn tay                                                         |
| 161                    | 17.97                          | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Tập phối hợp hai tay                                                                          |
| 162                    | 17.98                          | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Tập phối hợp tay mắt                                                                          |
| 163                    | 17.99                          | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Tập phối hợp tay miệng                                                                        |
| 164                    | 17.100                         | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày (ADL) (ăn uống, tắm rửa, vệ sinh, vui chơi giải trí...) |
| 165                    | 17.101                         | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Tập điều hòa cảm giác                                                                         |
| 166                    | 17.102                         | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Tập tri giác và nhận thức                                                                     |
| 167                    | 17.103                         | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày (ADL) với các dụng cụ trợ giúp thích nghi               |
| 168                    | 17.104                         | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Tập nuốt                                                                                      |
| 169                    | 17.106                         | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Tập nhai                                                                                      |
| 170                    | 17.116                         | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Lượng giá chức năng tri giác và nhận thức                                                     |
| 171                    | 17.117                         | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Lượng giá chức năng ngôn ngữ                                                                  |
| 172                    | 17.118                         | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Lượng giá chức năng dáng đi                                                                   |
| 173                    | 17.119                         | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Lượng giá chức năng thăng bằng                                                                |
| 174                    | 17.120                         | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Lượng giá chức năng sinh hoạt hàng ngày                                                       |
| 175                    | 17.122                         | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Thử cơ bằng tay                                                                               |
| 176                    | 17.123                         | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Đo tầm vận động khớp                                                                          |
| 177                    | 17.167                         | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Tập vận động cột sống                                                                         |
| 178                    | 17.170                         | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Kỹ thuật kiểm soát tư thế (ngồi, bò, đứng, đi)                                                |
| 179                    | 17.171                         | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Kỹ thuật tạo thuận vận động cho trẻ (lấy, ngồi, bò, đứng, đi)                                 |
| 180                    | 17.175                         | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Kỹ thuật kéo giãn cho trẻ em bị vẹo cổ bẩm sinh                                               |
| 181                    | 17.176                         | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Kỹ thuật tập vận động cho trẻ xơ hóa cơ                                                       |
| 182                    | 17.177                         | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Kỹ thuật tập vận động cho trẻ bị biến dạng cột sống (cong vẹo, gù, ưỡn)                       |
| 183                    | 17.179                         | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Kỹ thuật kiểm soát tư thế và vận động cho người bệnh Parkinson                                |
| 184                    | 17.181                         | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Kỹ thuật ngồi/đứng dậy từ sàn nhà                                                             |
| 185                    | 17.184                         | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Kỹ thuật thư giãn                                                                             |
| 186                    | 17.196                         | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Lượng giá sự phát triển của trẻ theo nhóm tuổi bằng kỹ thuật ASQ                              |

| <b>STT<br/>(Cột 1)</b> | <b>Mã Kỹ thuật<br/>(Cột 2)</b> | <b>Tên chương<br/>(Cột 3)</b> | <b>Tên kỹ thuật<br/>(Cột 4)</b>                                         |
|------------------------|--------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
| 187                    | 17.197                         | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Lượng giá kỹ năng ngôn ngữ - giao tiếp ở trẻ em                         |
| 188                    | 17.198                         | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Lượng giá kỹ năng vận động tinh và kỹ năng sinh hoạt hàng ngày ở trẻ em |
| 189                    | 17.199                         | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Lượng giá trẻ tự kỷ theo tiêu chuẩn DSM-IV                              |
| 190                    | 17.203                         | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Lượng giá kỹ năng vận động trẻ bại não theo thang điểm GMFCS            |
| 191                    | 17.204                         | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Lượng giá mức độ co cứng bằng thang điểm Ashworth (MAS)                 |
| 192                    | 17.210                         | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Nghiệm pháp Tinitit cho người cao tuổi                                  |
| 193                    | 17.249                         | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Kéo nắn, kéo giãn cột ống, các khớp                                     |
| 194                    | 17.250                         | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Tập do cứng khớp                                                        |
| 195                    | 17.251                         | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Tập vận động với các dụng cụ trợ giúp                                   |
| 196                    | 17.252                         | 17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG        | Xoa bóp áp lực hơi                                                      |

*Tổng số Danh mục kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh: 196*